

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2022.

V/v “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình về ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trịnh Hữu Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Võ Thị Diệp**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Hồ Thị Đào** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 09/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Tú Q**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 6, xã Phong M, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: **Đỗ Minh T**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Ba S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(*Chị Q có mặt; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú Q trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Q và anh Đỗ Minh T sống chung năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba S, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/5/2015. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc. Thời gian sau chị Q và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau dẫn đến bất đồng quan

điểm sống. Nhiều lần chị Q cho anh T cơ hội để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, chị Q và anh T đã sống ly thân. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Duy K, sinh ngày 25/01/2018 và Đỗ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/10/2021. Hiện nay con chung Minh Đ sống với chị Q, con chung Duy K sống với anh T. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được nuôi con chung tên Đỗ Hoàng Minh Đ, chị Q đồng ý giao con chung tên Đỗ Duy K cho anh T nuôi dưỡng, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*2. Tại văn bản ý kiến ngày 19/6/2022, bị đơn anh Đỗ Minh T có ý kiến:*

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tú Q.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Duy K, sinh ngày 25/01/2018 và Đỗ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/10/2021. Hiện nay con chung Minh Đ sống với chị Q, con chung Duy K sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con chung tên Đỗ Duy K, đồng ý giao con chung tên Đỗ Hoàng Minh Đ cho chị Q, cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

\* Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính)

- Trích lục khai sinh Đỗ Duy K (bản sao);

- Giấy chứng sinh ngày 26/10/2021 (bản photo);

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú Q về việc yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Minh T, nên Hội

đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con*”.

[2] Về thẩm quyền: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn hiện nay đang cư trú tại xã Ba S, huyện CL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh Đỗ Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị Q và anh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ba S, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 26/5/2015 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị Q và anh T đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, cả hai vợ chồng không ai liên lạc với ai và cũng không ai muốn đoàn tụ với nhau. Nhận thấy việc hàn gắn tình cảm là không thể nên chị Q yêu cầu được ly hôn với anh T. Đồng thời, anh T có văn bản ghi ý kiến cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Q. Hai bên không xây dựng được hạnh phúc, tình cảm không hàn gắn được và không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ những phân tích nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Q và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Q.

- Về con chung: Chị Q và anh T có 02 con chung tên Đỗ Duy K, sinh ngày 25/01/2018 và Đỗ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/10/2021, hiện nay cháu Đ sống với chị Q, cháu K sống với anh T. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, đồng ý giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng và cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ý kiến ngày 19/6/2022, anh T đồng ý giao con chung tên Đ cho chị Q nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi con chung tên K, cả hai không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Đ sống với chị Q và cháu K sống với anh T được chăm sóc tốt và phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cũng như sự phát triển của cháu K và cháu Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Q.

Chị Nguyễn Thị Tú Q và anh Đỗ Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì chị Q phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Q đã nộp theo biên lai số 0009343 ngày 06/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tú Q.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú Q được ly hôn với anh Đỗ Minh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tú Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Hoàng Minh Đ, sinh ngày 21/10/2021. Anh Đỗ Minh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Duy K, sinh ngày 25/01/2018. Chị Q và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Q và anh T không có yêu cầu. Chị Nguyễn Thị Tú Q và anh Đỗ Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú Q phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà chị Q đã nộp theo biên lai số 0009343 ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Trịnh Hữu Chính**